

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: 3595 /NĐĐT-KHVT

V/v báo giá Đơn hàng: Cung cấp hóa chất,
công cụ, dụng cụ thí nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Đơn hàng: Cung cấp hóa chất, công cụ, dụng cụ thí nghiệm**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.
- Hiệu lực của báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn - xã Bình Khê - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 19/12/2024.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số **3595** /NĐĐT-KHVT ngày **13 / 12 /2024** của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng (***)	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vợt vớt dầu inox (vợt vòng cán inox)	Ø30 cm (dài 55 cm)	Cái	10		30 ngày				
2	Đai siết inox có tay vận (quai nhê inox)	Ø100mm	Cái	20		30 ngày				
3	Đai siết inox có tay vận (quai nhê inox)	Ø50mm	Cái	20		30 ngày				
4	Đai siết inox có tay vận (quai nhê inox)	Ø34mm	Cái	20		30 ngày				
5	Chai nhựa PP	Loại 500ml, đường kính miệng: 48mm, đường kính thân: 73mm, chiều cao cả nắp: 160mm	Cái	50		30 ngày				
6	Kéo Inox đúc nguyên khối	Kích thước: dài 215mm, rộng 86mm, vật liệu SUS 410	Cái	02		30 ngày				
7	Máy bơm chìm	Mã hiệu: EFS-50T của nhà sản xuất Evergush, có thông số kỹ thuật như sau: - Lưu lượng: 72m ³ /h - Công suất: 5HP - Cột áp: 23m - Điện áp: 3 Phase-	Cái	02		30 ngày	12 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng (***)	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		380V/50Hz - Trọng lượng: 55 Kg - Thân inox.						-		
8	Bạc Nitrat	AgNO ₃ (100g/chai)	Chai	02		30 ngày				
9	Hóa chất Kali iot, KI tinh thể	KI AR (500g/chai)	Chai	02		30 ngày				
10	Giấy lọc định lượng băng xanh	Φ11 (100 tờ/hộp)	Hộp	06		30 ngày				
11	Hóa chất Kali Hydroxit	KOH (500g/lọ)	Lọ	02		30 ngày				
12	Hóa chất Glycerine	C ₃ H ₈ O ₃ AR (500ml/chai)	Chai	01		30 ngày				
13	Iốt	I ₂ AR (Lọ 250g)	Lọ	02		30 ngày				
14	Amoni chloride	NH ₄ Cl AR (500g/lọ)	Lọ	01		30 ngày				
15	Hóa chất Amoni molybdate	(NH ₄) ₆ Mo ₇ O ₂₄ .4H ₂ O AR (500g/chai)	Chai	04		30 ngày				
16	Thủy ngân II clorua	HgCl ₂ AR (250g/lọ)	Lọ	02		30 ngày		-		
17	Hóa chất Paradimetylaminbenzandehit	C ₉ H ₁₁ NO AR (500g/lọ)	Lọ	04		30 ngày				
18	Chất chuẩn đo pH	pH 9.18 (500ml/chai)	Chai	12		30 ngày				
19	Chất chuẩn đo pH	pH 6.86 (500ml/chai)	Chai	12		30 ngày				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng (***)	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
20	Chất chuẩn đo pH	pH 4.01 (500ml/chai)	Chai	12		30 ngày				
21	Ống chuẩn	H ₂ SO ₄ , 0.1N	Ống	08		30 ngày				
22	Ống chuẩn	HCL, 0.1N	Ống	08		30 ngày				
23	Ống chuẩn	NaOH, 0.1N	Ống	08		30 ngày				
24	Ống chuẩn	EDTA, 0.1N	Ống	08		30 ngày				
25	Ống chuẩn	Na ₂ S ₂ O ₃ , 0.1N	Ống	08		30 ngày				
26	Dung dịch độ dẫn tiêu chuẩn	84μs/cm (500ml/chai)	Chai	12		30 ngày				
27	Dung dịch chuẩn	SiO ₂ (500ml/chai)	Chai	02		30 ngày				
28	Dung dịch hóa chất chuẩn Amonium	NH ₄ ⁺ (500ml/chai)	Chai	02		30 ngày				
29	Dung dịch chuẩn	PO ₄ ³⁻ 1000ppm (500ml/chai)	Chai	02		30 ngày				
30	Hóa chất Pyrogalllic acid	C ₆ H ₃ (OH) ₃ AR (500g/chai)	Chai	06		30 ngày				
31	Gói thuốc thử đo Clo dư	Hanna HI93701-01; (1 hộp 100 gói x 0,12g)	Hộp	20		30 ngày				
32	Giấy đo pH	Giải đo PH: 1÷14	Tập	06		30 ngày				
33	H ₂ SO ₄ Axít sulfuric	H ₂ SO ₄ , 98% AR (500ml/chai)	Chai	20		30 ngày				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng (***)	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
34	Hóa chất. Amonium. 25%	AR NH ₄ OH 25÷28% (500ml/chai)	Chai	02		30 ngày				
35	Dung dịch độ dẫn tiêu chuẩn	12,88 mS/cm (500ml/chai)	Chai	12		30 ngày				
36	Thuốc thử amoni	HI93715-01 (100 mẫu/hộp)	Hộp	05		30 ngày				
37	Dung dịch độ dẫn tiêu chuẩn	1413 µS/cm (500ml/chai)	Chai	12		30 ngày				
38	Dung dịch hiệu chuẩn máy đo pH	pH 7.00 (500ml/chai)	Chai	12		30 ngày				
39	Dung dịch hiệu chuẩn máy đo pH	pH 10.01 (500ml/chai)	Chai	12		30 ngày				
40	Dây nối máy đo Leco	Cotton 10 cm 375/pk (Fuse Thread Cotton 10cm)	Túi	08		30 ngày				
41	Diisopropylamin C ₆ H ₁₅ N	C ₆ H ₁₅ N (500ml/chai)	Chai	120		30 ngày				
42	Dung dịch bảo quản điện cực pH KCL 3.33 M	525-3 (250ml/chai)	Chai	04		30 ngày				
43	Độ đục tiêu chuẩn 98713-10 (<0.1 FTU)	10ml/lọ	Lọ	02		30 ngày				
44	Độ đục tiêu chuẩn 98713-20 (15.0 FTU)	10ml/lọ	Lọ	02		30 ngày				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng (***)	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
45	Độ đục tiêu chuẩn 98713-30 (100.0 FTU)	10ml/lọ	Lọ	02		30 ngày				
46	Độ đục tiêu chuẩn 98713-30 (750.0 FTU)	10ml/lọ	Lọ	02		30 ngày				
47	Dung dịch hiệu chuẩn Natri 0.23 g/L	HI7087L Hanna (500ml/chai)	Chai	04		30 ngày				
48	Chén sứ có nắp	Dung tích 20ml, chịu nhiệt $\geq 950^{\circ}\text{C}$	Cái	40		30 ngày				
49	Điện cực đo pH	Mã hiệu: 9652-10D của nhà sản xuất Horiba	Cái	01		30 ngày	6 tháng			(**)
50	Điện cực nhựa đo độ dẫn	Mã hiệu: 9382-10D của nhà sản xuất Horiba	Cái	01		30 ngày	6 tháng			(**)
51	Điện cực đo pH	Mã hiệu: 9652 JF52 của nhà sản xuất Horiba	Cái	01		30 ngày	6 tháng			(**)
52	Điện cực nhựa đo độ dẫn	Mã hiệu: 9383 MFG của nhà sản xuất Horiba	Cái	01		30 ngày	6 tháng			(**)
53	Đầu đo cảm ứng pH	Mã hiệu: HI1131B của nhà sản xuất Hanna	Cái	01		30 ngày	6 tháng			(**)
54	Đầu đo độ dẫn	Mã hiệu: HI76310 của nhà sản xuất Hanna	Cái	01		30 ngày	6 tháng			(**)
55	Điện cực đo Na^+	Mã hiệu: 5101S-BC-0.6m của nhà sản xuất Huakeyi	Cái	01		30 ngày	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng (***)	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
56	Điện cực so sánh	Mã hiệu: 5102S-L9-0.6m của nhà sản xuất Huakeyi	Cái	01		30 ngày	6 tháng	-		(**)
57	Dây kích cháy (fixed wire igniter)	Mã hiệu: 502-460 (5 cái/gói) của nhà sản xuất Leco	Gói	08		30 ngày				(**)
	Tổng									
	Thuế GTGT									
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)									
	Bảng chữ:									

- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (***) Thời gian giao hàng tính kể từ ngày có thông báo cấp hàng.